UBND TỈNH ĐẮK LẮK
**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**
Số: 94/BC-SKHCN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
*Đắk Lắk, ngày 28 tháng 5 năm 2019*

# BÁO CÁO
## Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2019

Thực hiện Quyết định 3486/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2019. Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) quý II năm 2019 như sau:

### I. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

### 1. Việc ban hành và thực hiện Kế hoạch CCHC

Sở KH&CN ban hành Kế hoạch số 227/KH-SKHCN ngày 27/12/2018 về công tác cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, xác định đầy đủ nhiệm vụ, bố trí nguồn lực, phân công trách nhiệm thực hiện và triển khai các buổi họp giao ban định kỳ hàng tuần, hội nghị cơ quan; tổ chức tuyên truyền trong toàn thể công chức, viên chức cơ quan để giúp cho công chức, viên chức cơ quan nhận thức đúng và sâu sắc về công tác CCHC.

### 2. Tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

Việc triển khai, quán triệt, theo dõi các nội dung CCHC được thực hiện thường xuyên, thông qua các văn bản chỉ đạo điều hành của Sở KH&CN, nhắc nhở công việc qua hệ thống Idesk, điện thoại,… và chỉ đạo của Giám đốc tại các cuộc họp giao ban định kỳ. Công tác thi đua khen thưởng được gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC của từng cơ quan, đơn vị.

### 3. Về kiểm tra kết quả thực hiện CCHC

Ban hành Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 28/12/2018 về kiểm tra cải cách hành chính năm 2019 và thực hiện công tác kiểm tra cải cách hành chính theo Kế hoạch. Theo kế hoạch dự kiến tháng 10-11/2019 Sở KH&CN tổ chức kiểm tra công tác CCHC tại các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

### 4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Ban hành Kế hoạch số 223/KH-SKHCN ngày 26/12/2018 về tổ chức hoạt động tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019, các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú như:

- Thông tin, tuyên truyền về hoạt động CCHC thông qua Cổng thông tin điện tử Sở KH&CN, Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN và các đơn vị trực thuộc.

- Tuyên truyền thông qua việc phát hành tờ gấp, pa nô, áp phích liên quan đến CCHC, phù hợp với từng mục tiêu, yêu cầu, nội dung tuyên truyền, phổ biến đến từng nhóm đối tượng.

- Tuyên truyền thông qua hình thức tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, quán triệt nội dung, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CCHC Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; lồng ghép nội dung CCHC trong các hội nghị tuyên tuyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tuyên truyền thông qua đội ngũ báo cáo viên, cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị, các phường, xã, nhất là cán bộ, công chức làm nhiệm vụ giải quyết TTHC, kiểm soát TTHC và đội ngũ tuyên truyền viên ở cơ sở.

- Tuyên truyền thông qua các cuộc thi tìm hiểu CCHC, chính sách pháp luật do tỉnh tổ chức.

## II. Kết quả thực hiện công tác CCHC

### 1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 14/3/2017 ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh; công tác xây dựng văn bản QPPL của ngành được Sở thực hiện đúng quy trình, quy định. Văn bản được ban hành đúng căn cứ pháp lý; đúng thẩm quyền; nội dung của các văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Kết quả trong quý II năm 2019, Sở KH&CN triển khai kế hoạch số 226/KH-SKHCN ngày 27/12/2018 về xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2019; Thực hiện kiểm tra, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của Sở KH&CN; Tổng kết tình hình thực hiện triển khai Quyết định số 19/2014 của Thủ tướng chính phủ và Chỉ thị số 03/CT-UBND của UBND tỉnh về công tác ISO giai đoạn 2014 – 2018; Chương trình năng suất chất lượng năm 2018.

b) Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Từ đầu năm, Sở đã triển khai Kế hoạch số 223/KH-SKHCN ngày 26/12/2018 về kiểm tra công tác CCHC và phân cấp quản lý hoạt động các đơn vị trực thuộc năm 2019; Kế hoạch số 228/KH-SKHCN ngày 27/12/2018 triển khai công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật năm 2019; các văn bản quy phạm pháp luật do Sở KH&CN tham mưu UBND tỉnh ban hành đều được dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Sở KH&CN và các đơn vị có liên quan triển khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực KH&CN năm 2019 kèm theo Quyết định số 349/QĐ-SKHCN ngày 06/12/2018 của Sở KH&CN. Đồng thời thành lập 02 đoàn thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực đo lường cân khối lượng, máy đo độ ẩm hạt; sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ tại 93 cơ sở kinh doanh (Quyết định số 361/QĐ-SKHCN ngày 14/12/2018 và Quyết định số 93/QĐ-SKHCN ngày 06/5/2019), phát hiện 06 cơ sở vi phạm quy định của pháp luật, xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 25,5 triệu đồng.

c) Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL

Kịp thời ban hành Kế hoạch số 226/KH-SKHCN ngày 27/12/2018 về việc xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2019, đồng thời triển khai rà soát, xử lý các văn bản QPPL thuộc khoa học và công nghệ do HĐND, UBND tỉnh ban hành không còn phù hợp với các quy định của Trung ương.

Qua công tác kiểm tra rà soát văn bản QPPL đang thực hiện, cơ bản các văn bản còn phù hợp hiện hành, Sở KH&CN đang tiến hành thực hiện quy trình ban hành sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 9/3/2017 ban hành Quy định hỗ trợ, cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi vay vốn của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk cho phù hợp với thực tế.

d) Công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL

Trong kỳ, Sở KH&CN tổ chức triển khai thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực ngành quản lý theo đúng quy trình và quy định của các cấp. Trong 6 tháng các văn bản QPPL lĩnh vực khoa học và công nghệ không phát hiện có văn bản nào cần phải xử lý.

e) Công tác phổ biến giáo dục pháp luật

Từ đầu năm 2019, Sở triển khai công tác tuyên truyền CCHC lồng ghép phổ biến, giáo dục pháp luật theo Kế hoạch số 225/KH-SKHCN ngày 27/12/2018 của Sở KH&CN về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2019. Đồng thời tổ chức tuyên truyền:

- Các Kế hoạch liên quan công tác CCHC tại Hội nghị CBCCVC vào ngày 25/01/2019.

- Kết quả của cuộc thi "Cà phê đặc sản Việt Nam 2019" tại Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 7, năm 2019.

- Hội nghị tuyên truyền, phổ biến một số văn bản của Đảng và Nhà nước (Kế hoạch số 58/KH-SKHCN ngày 01/4/2019).

- Tổ chức hội thi "Tìm hiểu, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" (Kế hoạch số 64/KH-SKHCN ngày 09/4/2019).

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày KH&CN Việt Nam tại địa phương năm 2019 (Kế hoạch số 67/KH-SKHCN ngày 12/4/2019) như: Xuất bản, phát hành Chuyên san KH&CN (số 2 và 3 năm 2019) kỷ niệm Ngày KH&CN Việt

Nam 18/5/2019; Phát sóng Chương trình tọa đàm chào mừng Ngày KH&CN Việt Nam 18/5/2019 với chủ đề "Kết quả áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk" trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Lắk; Tọa đàm ôn lại truyền thống Ngành KH&CN; Chuẩn bị tham gia Hội nghị KH&CN Vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên lần thứ XV tại Đà Nẵng….

- Phát hành bản tin TBT số 4/2018 và số 1-2/2019; Bản tin Thông tin KH&CN số 01/2019 và Bản tin KH&CN phục vụ nông thôn số 01/2019. Tổ chức khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm tra nhà nước về đo lường cho cán bộ cấp huyện, xã; khóa đào tạo chuyên gia đánh giá HTQLCL trong các cơ quan hành chính nhà nước cho UBND cấp huyện năm 2019.

**2. Cải cách thủ tục hành chính**

Triển khai thực hiện công tác Cải cách TTHC, chỉ đạo các phòng chuyên môn thường xuyên chủ động triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC theo Kế hoạch số 224/KH-SKHCN ngày 26/12/2018 và tiến hành rà soát thủ tục hành chính theo Kế hoạch số 229/KH-SKHCN ngày 28/12/2018 rà soát, đánh giá TTHC thuộc các lĩnh vực KH&CN.

Tiến hành rà soát 39 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 về việc công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN; Quyết định số 2080/QĐ-UBND, ngày 30/8/2018 về việc công bố Danh mục TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN với các Quyết định công bố của Bộ KH&CN. Đến nay UBND tỉnh ban hành Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND tỉnh ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk, theo đó Sở KH&CN có 54 TTHC được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk theo quy định.

Bên cạnh đó, thực hiện Khoản 3 Khoản 4 Điều 8 Thông tư số Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Sở KH&CN có văn bản triển khai việc xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính (Công văn số 213/SKHCN-VP ngày 24/4/2019), đến nay đang hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Tổ chức rà soát các TTHC thực hiện cơ chế một cửa liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, kết quả gửi UBND tỉnh tổng hợp (Công văn số 190/SKHCN-VP ngày 10/4/2019).

Tiếp tục duy trì việc công khai thủ tục hành chính trên Trang Thông tin điện tử của Sở, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và niêm yết các thủ tục hành chính được Sở thực hiện nghiêm túc: Công khai về trình tự, thời gian xử lý, lệ phí, thành phần hồ sơ, cơ sở pháp lý thực hiện thủ tục hành chính….

Công tác thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 2839/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế 1 cửa liên thông tại Sở Khoa học và Công nghệ. Tính đến thời điểm báo cáo, Sở KH&CN đã tiếp nhận 54 hồ sơ thủ tục hành chính, được giải quyết đúng hạn không có hồ sơ trễ hẹn, Sở đã bố trí 01 công chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả TTHC tại Bộ phận một cửa đúng quy định.

**3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về phân cấp như: Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 2076/QĐ-UBND, ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh và quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở.

Cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN hiện nay gồm 07 phòng chức năng, 01 Chi cục và 03 đơn vị sự nghiệp công lập. Tổng biên chế được giao là 69 chỉ tiêu, trong đó công chức là 35 người, viên chức là 23 người, hợp đồng lao động theo Nghị định 68 là 11 người, việc sử dụng biên chế tại Sở và các đơn vị hợp lý, đúng quy định.

Thực hiện Chương trình số 26-CTr/TU ngày 21/02/2018 của Tỉnh ủy "về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập" và Chương trình số 27-CTr/TU ngày 10/4/2018 của Tỉnh ủy Đắk Lắk "về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU của Hội nghị Trung ương 6, khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Năm 2019 Sở KH&CN tinh giảm 01 công chức và 01 viên chức, đến thời điểm báo cáo Sở KH&CN đã tỉnh giảm được 01 công chức; Xây dựng phương án quy hoạch các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020; Đề án sát nhập Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN với Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN; Đề án tự chủ 100% của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng theo hướng thành lập Trung tâm cấp tỉnh trực thuộc Sở KH&CN.

Quy chế làm việc của Sở và các đơn vị trực thuộc đều được xây dựng, ban hành và thực hiện nghiêm túc, không có đơn vị nào vi phạm quy chế và các quy định liên quan.

Sở KH&CN triển khai thực hiện tốt công tác phân cấp về đầu tư, ngân sách; quản lý công chức, viên chức theo quy định tại Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm thuộc Sở KH&CN, đảm bảo đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ công tác.

**4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức**

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực, kỹ năng công tác; kết hợp việc đào tạo, bồi dưỡng với việc thực hiện luân chuyển để rèn luyện trong thực tiễn. Đầu năm 2019, Sở ban hành Kế hoạch số 221/KH-SKHCN ngày 26/12/2018 về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2019, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng thi tuyển công chức;

Sở chú trọng đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh; quan tâm đào tạo cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc; đề xuất sửa đổi các quy định về tiêu chuẩn bằng cấp đối với công chức theo hướng thiết thực, tránh hình thức và phù hợp với thực tế.

Sở KH&CN tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt của Sở về việc góp ý, lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm lại chức danh Trưởng phòng/đơn vị trực thuộc (Phòng Quản lý khoa học, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng); Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại 02 cán bộ lãnh đạo quản lý cấp phòng. Thực hiện nghiêm túc các quy định số 61-QĐ/ĐU ngày 24/10/2018 của Đảng ủy Sở KH&CN về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Đảng ủy Sở KH&CN quản lý; Đã đào tạo bồi dưỡng 01 thanh tra viên; 01 thanh tra viên chính, 01 Trung cấp lý luận và nhiều lượt bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;

Việc bố trí, sử dụng công chức được thực hiện đúng theo quy định, đúng người, đúng việc. Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đúng quy định hiện hành. Việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, nâng lương, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức được Sở thực hiện đúng quy trình, kịp thời, đầy đủ.

Triển khai rà soát đối chiếu và chuẩn hóa hồ sơ cán bộ công chức, cập nhật phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC của tỉnh. Tổ chức Hội thi tìm hiểu, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2019;

**5. Cải cách tài chính công**

Thực hiện tốt cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước. Ngay từ đầu năm, Sở đã ban hành triển khai Quy chế Chi tiêu nội và quản lý, sử dụng tài sản công của Sở; việc quản lý, thu, chi tài chính được thực hiện nghiêm túc đúng chế độ, chính sách và được công khai theo quy định.

Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo theo dự toán giao và các văn bản quy định về chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do Trung ương hoặc địa phương quy định để xây dựng các khoản thu, chi phù hợp với đặc điểm, chức năng và nhiệm vụ của từng đơn vị. Tổ chức thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính công; các quy định về phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Hiện nay trên cơ sở chỉ tiêu số lượng biên chế và nguồn kinh phí được giao, Sở thực hiện nghiêm túc theo các nội dung quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP. Các nội dung chi của Sở đều tuân thủ theo các quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của Sở bảo đảm các quyền lợi hợp pháp của người lao động và công khai, dân chủ, minh bạch; phân khai kinh phí năm 2019 theo quy định.

Các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công đều thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 54/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

**6. Hiện đại hóa nền hành chính**

Ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước: Sở tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan và đạt được những kết quả nhất định, góp phần nâng cao năng lực điều hành và đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính. Luôn duy trì thực hiện tốt Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông (iGate), sử dụng việc gửi, nhận văn bản giữa các cơ quan bằng hộp thư công vụ của đơn vị.

Tính đến nay sưu tầm, đăng tải trên 288 tin các bài viết về lĩnh vực khoa học công nghệ, Công nghệ thông tin, Kinh tế xã hội… phục vụ cung cấp thông tin trong tỉnh, trong nước và quốc tế. Duy trì trang thông tin điện tử: http://www.skhcn.daklak.gov.vn/ và http://thongtinkhcndaklak.vn, đăng tải toàn bộ hệ thống văn bản pháp quy có liên quan về khoa học và công nghệ.

Tất cả các đơn vị đã trang bị hệ thống máy tính có nối mạng Internet và mạng Lan đầy đủ. Hầu hết các cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị được cấp tài khoản trên hệ thống thư điện tử công vụ. Sử dụng hệ thống điều hành trực tuyến (I Desk) vào trong quản lý văn bản và xử lý, điều hành công việc của Sở. 100% các phòng, đơn vị, cá nhân trong Sở có sử dụng Hệ thống thư điện tử của tỉnh trong trao đổi công việc. 100% các văn bản nội bộ của Sở được thực hiện qua phần mềm I Desk và thư điện tử; Thực hiện chữ ký số văn bản điện tử; Tổ chức kiểm tra công tác văn thư lưu trữ tại các đơn vị trực thuộc; Số Thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 100% không có thủ tục hành chính nào trễ hạn.

Đầu năm Sở KH&CN ban hành Kế hoạch duy trì và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 năm 2018. Đối với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008: Sở thường xuyên duy trì, cải tiến hệ thống nhằm đáp ứng mục tiêu chính sách đề ra,

bảo đảm nguyên tắc "nhanh, chính xác, đúng pháp luật"; việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008 vào một số lĩnh vực công tác tự công bố, chất lượng phù hợp, vận hành, duy trì thường xuyên mang lại hiệu quả cao trong hoạt động hành chính.

## III. Đánh giá chung kết quả đạt được

### 1. Ưu điểm

Được sự quan tâm, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ KH&CN ở địa phương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã quan tâm ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác CCHC, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ CCHC, từng bước đổi mới tổ chức phương thức hoạt động của bộ máy hành chính, tạo ra sự đồng thuận và hưởng ứng mạnh mẽ của đông đảo tầng lớp nhân nhân trên địa bàn. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào CCHC qua các phần mềm quản lý văn bản, tiếp nhận và trả kết quả, email công vụ, dịch vụ công trực tuyến đã mang lại hiệu quả thiết thực, tạo chuyển biến cơ bản trong quan hệ giữa cơ quan hành chính với công dân và tổ chức đến giao dịch. Cơ chế một cửa, "một cửa liên thông" tiếp tục triển khai có hiệu quả, tạo sự liên kết, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, phường, xã trong giải quyết thủ tục hành chính giải quyết công việc cho người dân nhanh chóng, thuận tiện, nâng cao kỹ năng hành chính, tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ công chức hành chính.

### 2. Tồn tại, hạn chế

Việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, phần mềm tiếp nhận và trả kết quả cá biệt ở một số phòng đơn vị còn chưa thường xuyên. Việc sử dụng Email công vụ chưa đạt được hiệu quả cao trong giải quyết công việc, hay bị lỗi (gửi, nhận không đến), những tập tin có dung lượng lớn không thể đính kèm văn bản để gửi đi. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa được người dân ủng hộ, tỷ lệ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4 chưa cao.

## IV. Phương hướng nhiệm vụ công tác CCHC 9 tháng năm 2019

1. Tăng cường chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Chương trình CCHC của Sở năm 2019; Kế hoạch Tuyên truyền CCHC năm 2019; Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC và Kế hoạch rà soát văn bản QPPL năm 2019 .

2. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ: Cải cách thể thế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách tài chính công, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, hiện đại hóa hành chính của Sở.

3. Niêm yết công khai, minh bạch tại trụ sở và trên Trang thông tin điện tử các chủ trương, chính sách mới ban hành của Trung ương, của tỉnh, đặc biệt là chính sách thu hút đầu tư, thông tin quy hoạch, kế hoạch, dự án, thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

4. Tăng cường ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính, đẩy mạnh việc sử dụng văn bản điện tử, xây dựng lắp đặt đường truyền Internet cho hoạt động Cổng thông tin điện tử Sở; thực hiện đề tài "Đánh giá tiềm lực Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk".

5. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập" và Chương trình số 27-CTr/TU ngày 10/4/2018 của Tỉnh ủy Đắk Lắk "về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU của Hội nghị Trung ương 6, khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả".

**V. Kiến nghị, đề xuất**

1. Đề nghị nâng cấp phần mềm tiếp nhận và trả kết quả; cải tiến phần mềm quản lý văn bản Idesk thêm các tùy chọn, xử lý, gửi văn bản để thuận tiện cho người sử dụng (hiện nay khi thực hiện gửi văn bản phải thực hiện lại các bước chọn người nhận). Đề nghị nâng cấp hệ thống Email công vụ để đảm bảo trong trao đổi công việc, khi thực hiện gửi, nhận văn bản có dung lượng lớn.

2. Lựa chọn, giới thiệu các mô hình về cải cách hành chính ở những đơn vị thực hiện tốt về cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông để học tập kinh nghiệm.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC 9 tháng năm 2019 của Sở KH&CN gửi Sở Nội vụ tổng hợp./.

***Nơi nhận:***
- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP (H - b).

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH ĐẮK LẮK

**Nguyễn Văn Khoa**

**PHỤ LỤC BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC QUÝ II NĂM 2019**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày 5/2019)*

## I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

| Stt | Kế hoạch | Thời gian ban hành | Số nhiệm vụ/ số đơn vị trong kế hoạch | Số nhiệm vụ/ đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 | 2712/2018 | 28 | 16 | |
| 2 | Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2019 | 26/12/2018 | 02 phòng, 01 đơn vị | | 10-11/2019 |
| 3 | Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2019 | 27/12/2018 | Thường xuyên | KH 58/KH-SKHCN 01/4/2019 phổ biến một số văn bản của Đảng và Nhà nước<br>KH 64/KH-SKHCN 09/4/2019 phổ biến một số văn bản của Đảng và Nhà nước | 25/01/2019 |
| 4 | Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 | 27/12/2018 | Thường xuyên | | |
| 5 | Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2019 | 27/12/2018 | Thường xuyên | QĐ 361/QĐ-SKHCN ngày 14/12/2018<br>QĐ 93/QĐ-SKHCN ngày 06/5/2019 | |
| 6 | Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của đơn vị năm 2019 | 28/12/2018 | Thường xuyên | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 | 26/12/2018 | Thường xuyên | | Trong năm 2018 |
| 9 | Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2019 | 26/12/2018 | Thường xuyên | Lắp đặt đường truyền Internet cho hoạt động Cổng thông tin điện tử | |

## II. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC

| Stt | Tiêu chí | Tổng số | Chia ra theo cấp hành chính | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | |
| 1 | Số cơ quan trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt | 3 | | | | Theo KH |
| 2 | Số cơ quan được kiểm tra về CCHC | 3 | | | | |
| 3 | Số cơ quan công khai đầy đủ, đúng quy định bộ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả | 3 | | | | Bộ phận một cửa |
| 4 | Số cơ quan chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động | 3 | | | | |
| 5 | Số cơ quan được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động | 3 | | | | |
| 6 | Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt | 02 | 02 | | | Sở và Chi cục TĐC |
| 7 | Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt | 0 | 0 | | | Đang trình phê duyệt |
| 8 | Số cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt | 02 | 02 | | | Sở và Chi cục TĐC |
| 9 | Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt | 0 | 0 | | | |
| 10 | Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức | 05 | 05 | | | Sở, Chi cục TĐC và 03 Trung tâm |
| 11 | Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức | 05 | 05 | | | Sở, Chi cục TĐC và 03 Trung tâm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Số cơ quan hành chính (tỉnh, huyện, xã) thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130 | 02 | 02 | | | Sở và Chi cục TĐC |
| 13 | Số cơ quan hành chính (tỉnh, huyện, xã) ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130 | 02 | 02 | | | Sở và Chi cục TĐC |
| 14 | Số cơ quan hành chính (tỉnh, huyện, xã) ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức | 02 | 02 | | | Sở và Chi cục TĐC |
| 15 | Số đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 43 | 03 | 03 | | | 03 Trung tâm |
| 16 | Số đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ | 03 | 03 | | | 03 Trung tâm |
| 17 | Số đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động | 03 | 03 | | | 03 Trung tâm |
| 18 | Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp tỉnh, cấp huyện được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo Nghị định 115 | 0 | 0 | | | Không có |
| 19 | Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp tỉnh, cấp huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động | 0 | 0 | | | Không có |
| 20 | Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp tỉnh, cấp huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ | 0 | 0 | | | Không có |
| 21 | Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản | 05 | 05 | | | Sở, Chi cục TĐC và 03 Trung tâm |
| 22 | Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc | 05 | 05 | | | Sở, Chi cục TĐC và 03 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Trung tâm |
| 23 | Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử | 03 | 03 | | | Sở và 02 Trung tâm |
| 24 | Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được cấp chứng chỉ ISO | 05 | 05 | | | Sở, Chi cục TĐC và 03 Trung tâm |
| 25 | Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động | 05 | 05 | | | Sở, Chi cục TĐC và 03 Trung tâm |
| 26 | Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông | 03 | 03 | | | Sở, Chi cục TĐC, 01 Trung tâm |
| 27 | Số đơn vị hành chính cấp huyện triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông | 0 | 0 | | | Không có |
| 28 | Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (trừ các xã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện) | 0 | 0 | | | Không có |
| 29 | Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định | 03 | 03 | | | Sở, Chi cục TĐC, 01 Trung tâm |
| 30 | Sở thực hiện mô hình một cửa hiện đại | 0 | 0 | | | Không có |

## III. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

| Stt | Loại cơ quan | Tổng số | Chia ra theo cấp hành chính | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | |
| 1 | Cơ quan hành chính | 2 | 2 | | | Sở, Chi cục TĐC |
| 2 | Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc | 3 | 3 | | | 03 Trung tâm |
| 3 | Tổ chức khoa học và công nghệ công lập (cấp tỉnh, cấp huyện) | 0 | | | | |

## IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

## A. SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| Stt | Nhiệm vụ/Tiêu chí | Tổng số | Chia ra theo cấp hành chính | | | Tỷ lệ % *(so với tổng số TTHC trong bộ TTHC)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | | |
| 1 | Số lĩnh vực thực hiện TTHC | 04 | | | | 100% | |
| 2 | Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã do Chủ tịch UBND tỉnh công bố | 54 | 54 | | | 100% | |
| 3 | Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/trang thông tin điện tử | 54 | 54 | | | 100% | |
| 4 | Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương được tiếp nhận | 0 | | | | | |
| 5 | Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương được xử lý | 0 | | | | | |
| 6 | Số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 1, 2 tại đơn vị, địa phương | 54 | 54 | | | 100% | |
| 7 | Số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 tại đơn vị, địa phương | 30 | 30 | | | 56% | BC 61/BC-SKHCN 3/4/2019 |
| 8 | Số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 tại đơn vị, địa phương | 24 | 24 | | | 44% | |

## B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG

| Stt | Lĩnh vực | Tổng số TTHC | Số TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | Kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Theo quy định | Đang thực hiện | Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận | Tổng số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn | Tổng số hồ sơ TTHC quá hạn |
| **Sở Khoa học và Công nghệ** | | | | | | | |
| 01 | Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | 17 | 17 | 17 | 0 | 0 | 0 |
| 02 | An toàn bức xạ hạt nhân | 7 | 7 | 7 | 23 | 23 | 0 |
| 03 | Sở hữu trí tuệ | 6 | 6 | 6 | 0 | 0 | 0 |
| 04 | Khoa học và Công nghệ | 24 | 24 | 24 | 01 | 01 | 0 |
| **Tổng cộng** | | 54 | 54 | 54 | 24 | 08 | 0 |

## C. TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CCHC

| Stt | Tiêu chí | Tổng số | Đã xử lý/Đã thực hiện | Tỷ lệ % so với tổng số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC | **0** | **0** | **0** | |
| 2 | Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát văn bản QPPL thực hiện tại đơn vị, địa phương | 0 | 0 | 0 | |
| 5 | Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra VBQPPL tại đơn vị, địa phương | 0 | 0 | 0 | |
| 6 | Số quy định của Chính phủ về phân cấp được thực hiện ở đơn vị, địa phương | 0 | 0 | 0 | |
| 7 | Số VBQPPL được tổ chức triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương (tổng số các văn bản của các ngành, các lĩnh vực) | 0 | 0 | 0 | |
| 8 | Số VBQPPL thực hiện tại đơn vị, địa phương được kiểm tra (tổng số các văn bản của các ngành, các lĩnh vực) | 0 | 0 | 0 | |
| 9 | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại đơn vị, địa phương | 0 | 0 | 0 | |